

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**  
**TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ – ST

Ngày 26 tháng 5 năm 2023

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Hà Đức Trường;
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Ng**, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt);  
Địa chỉ: khu Ph, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ;  
*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Ng:* ông Bùi Đức D – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt).
- **Bị đơn: Chị Trần Văn C**, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt);  
Địa chỉ: thôn L, xã Th, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**[1]. Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2023 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Phùng Thị Ng trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 02/9/2003, chị và anh Trần Văn C đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Việc hôn nhân là do hai bên hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Sau khi kết hôn, chị về sống cùng nhà với gia đình anh C tại xã Th, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân là do, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cách sống và phát triển kinh tế. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục nên năm 2007 chị Ng đã cùng với con chung bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại xã L. Chị và anh C không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định không còn tình cảm với anh C nữa nên chị Ng xin ly hôn để giải phóng cho nhau.

- *Về con chung:* Chị và anh C có 01 (một) con chung là cháu Trần Ánh Ng1, sinh

ngày 23/3/2004. Hiện nay, cháu Ng1 đã thành niên, tự lao động nuôi được bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung khi ly hôn.

- *Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[2]. Tại Bản tường trình ngày 05/4/2023 và Đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình ngày 05/4/2023, Bị đơn anh Trần Văn C trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân, con chung:* Anh C xác nhận anh và chị Ng có đăng ký kết hôn và có con chung như chị Ng trình bày là đúng. Anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Ng theo đơn đề nghị của chị Ng. Anh đồng ý ly hôn với chị Ng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung khi ly hôn vì con chung của anh chị hiện đã thành niên, tự lao động nuôi được bản thân.

- *Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[3]. Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn:** Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Ng, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ng và anh C; không giải quyết về việc nuôi con chung khi ly hôn, do con chung của anh chị đã thành niên, tự lao động nuôi được bản thân; không giải quyết quan hệ tài sản do chị Ng không yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng:** Chị Phùng Thị Ng có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cho chị ly hôn với anh Trần Văn C, sinh năm 1980; trú tại: thôn L, xã Th, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Tại đơn đề nghị ngày 05/4/2023, anh Trần Văn C tự nguyện đồng ý với quan điểm của chị Ng, đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị Ng và anh C. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, do nơi thường trú ở xa nên anh C không trực tiếp đến Tòa án để trình bày quan điểm. Anh C có bản tường trình về các nội dung cần giải quyết trong vụ án và đề nghị được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải; chị Ng có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án. Vì vậy, Tòa án xác định vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Ng, anh C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt chị Ng, anh C là đúng quy định của pháp luật.

**[2]. Về nội dung vụ án:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ng và anh C trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu; ngày 02/9/2003, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị Ng và anh C chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai không có sự hòa hợp, thấu hiểu cho nhau dẫn đến mâu thuẫn không thể khắc phục được. Chị Ng và anh C đã ly thân từ năm 2007 cho đến nay, không ai còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh C, nên chị Ng xin ly hôn; trong quá trình giải quyết vụ án, anh C cũng xác nhận tình trạng vợ chồng như chị Ng trình bày là đúng và anh cũng đồng ý ly hôn chị Ng.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Ng và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Ng xin ly hôn, anh C trình bày quan điểm đồng ý ly hôn chị Ng nhưng đề nghị được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; phiên hòa giải và phiên tòa. Từ những nhận định trên, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ng và anh C là phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

**[3]. Về nuôi con chung:** Chị Ng và anh C có 01 (một) con chung là cháu Trần Ánh Ng1, sinh ngày 23/3/2004, hiện nay đã thành niên tự lao động nuôi được bản thân. Khi ly hôn chị Ng và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết quan hệ nuôi con chung là phù hợp.

**[4]. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:** Chị Ng, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Khi anh, chị có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

**[5]. Về án phí:** Chị Ng và anh C thuận tình ly hôn, nên cả hai phải chịu một nửa án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị ngày 13/4/2023 chị Ng có đơn đề nghị được miễn nộp tiền án phí vì là Người dân tộc thiểu số (dân tộc Mường), hiện đang sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Xét thấy, theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính Phủ thì xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ là xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm cho chị Ng là phù hợp với quy định tại điểm đ Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

**[6]. Về quyền kháng cáo:** Chị Ng, anh C có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị Ng và anh Trần Văn C.
- *Về nuôi con chung:* Chị Ng và anh C có 01 (một) con chung là Trần Ánh Ng2, sinh ngày 23/3/2004. Hiện nay, cháu Ng2 đã trưởng thành, tự lao động nuôi được bản thân nên chị Ng và anh C không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung khi ly hôn.
- *Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Phùng Thị Ng.  
Anh Trần Văn C phải nộp 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(đã ký)*

**Nguyễn Thị Hồng Mai**